

# NGHIÊN CỨU LÒNG HIẾU THẢO BẰNG THANG ĐO HIẾU THẢO KÉP - DFPS

Trương Thị Khánh Hà

Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

## TÓM TẮT

Hiếu thảo là một khái niệm chứa đựng những ý tưởng quan trọng về cách các con nên đối xử với cha mẹ dựa trên sự quan tâm, tình yêu thương và sự tôn trọng. Khảo sát trên 550 người trưởng thành từ 29 đến 59 tuổi được thực hiện với thang đo Hiếu thảo kép (DFPS) do Yeh và Bedford phát triển nhằm thích ứng thang đo phiên bản tiếng Việt (DFPS-V). Kết quả nghiên cứu xác nhận cấu trúc hai chiều cạnh của thang đo DFPS và chỉ ra tính nhất quán nội tại của hai tiểu thang đo Hiếu thảo tương hỗ và Hiếu thảo độc đoán. Hiếu thảo tương hỗ có điểm cao hơn một cách có ý nghĩa so với hiếu thảo độc đoán. Những người trưởng thành lớn tuổi có điểm hiếu thảo độc đoán cao hơn so với những sinh viên - mẫu nghiên cứu trước đây. Nam giới cũng có quan điểm về hiếu thảo độc đoán cao hơn so với nữ. Phiên bản tiếng Việt của DFPS đã được chứng minh là một thang đo hợp lệ và đáng tin cậy, có thể được sử dụng để đo lường hiếu thảo trong các nghiên cứu sau này.

**Từ khóa:** Hiếu thảo tương hỗ; Hiếu thảo độc đoán; Thang đo Hiếu thảo kép DFPS.

Ngày nhận bài: 27/3/2025; Ngày duyệt đăng bài: 25/9/2025.

## 1. Đặt vấn đề

### Hiếu thảo

Hiếu thảo là một khái niệm trong Nho giáo xuất hiện đầu tiên ở Trung Quốc. Theo tư tưởng của Nho giáo, hiếu thảo và nghĩa vụ liên quan đến hiếu thảo được hiểu là thái độ và hành vi của người con trưởng thành phải tôn trọng và vâng lời cha mẹ (Hwang, 1999).

Cùng với sự lan truyền rộng rãi của Nho giáo sang các quốc gia khác, hiếu thảo đã trở thành một khái niệm phổ biến không chỉ ở Trung Quốc mà còn ở nhiều quốc gia phương Đông, trong đó có Việt Nam. Ngày nay, hiếu thảo là một trong những đức tính cơ bản nhất được tìm thấy ở nhiều nền văn hóa khác nhau, nó không chỉ nêu rõ các chuẩn mực trong gia đình mà còn cung cấp nền tảng xã hội và đạo đức để duy trì trật tự và ổn định xã hội (Low và Ang, 2012).

Hiếu thảo là niềm tin mạnh mẽ và những hành động đúng đắn thể hiện thái độ của người con trong cách đối xử với cha mẹ, dựa trên đạo đức, tình yêu thương và sự tôn trọng (Yeh, 1997). Hiếu thảo đề cập đến những đức tính và

trách nhiệm quan trọng của các con trong việc tôn trọng, chăm sóc và mang lại vinh dự cho gia đình (Chen, 2014).

Trong tiếng Việt, hiếu thảo có thể được hiểu là sự thành kính, yêu thương và tấm lòng thơm thảo của con cháu dành cho ông bà, cha mẹ. Ở Việt Nam, những người con hiếu thảo luôn được khen ngợi và được coi là những người có đạo đức. Cha mẹ nuôi dạy các con ngoan ngoãn, hiếu thảo được coi là cha mẹ thành đạt và hạnh phúc. Nhiều câu tục ngữ, ca dao, thành ngữ Việt Nam về lòng biết ơn và hiếu thảo của con đối với cha mẹ đã trở thành những chuẩn mực đạo đức, hướng dẫn hành vi của cá nhân trong gia đình và xã hội, ví dụ như: *Công cha như núi Thái Sơn; Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. Một lòng thờ mẹ kính cha; Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con; Hay: Dạy con, con nhớ lấy lời; Trọng cha, kính mẹ, suốt đời chớ quên.*

Mặc dù hiếu thảo là phẩm chất đáng quý, các nghiên cứu khác nhau lại có những phát hiện mâu thuẫn về việc liệu hiếu thảo có tác động tích cực hay tiêu cực đối với sự phát triển của cá nhân. Sau khi xem xét tổng hợp các tác động tích cực và tiêu cực của hiếu thảo ở Trung Quốc, Đài Loan và Hồng Kông, Yeh và Bedford (2003) đã phát hiện ra rằng hiếu thảo có tác động tích cực đối với các mối quan hệ liên cá nhân, tạo điều kiện cho các tình cảm ấm áp, yêu thương, hòa hợp và các mối liên hệ gần gũi giữa các thế hệ. Nhưng mặt khác, hiếu thảo cũng gây một số tác động tiêu cực đối với sự phát triển cá nhân và các mối quan hệ liên cá nhân như mức độ cứng nhắc trong giáo dục và sự hạn chế sáng tạo của các con. Theo cách này, cha mẹ thường có xu hướng kiểm soát con, kỳ vọng quá cao hay ép con vâng lời quá mức, ít đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của con, kể cả khi các con đã trưởng thành (Yeh và Bedford, 2003).

### ***Mô hình hiếu thảo kép (DFPM)***

Để hiểu rõ hơn các tác động trái chiều của hiếu thảo đến tâm lý cá nhân, các tác giả đã tích hợp những phát hiện mâu thuẫn về tác động tích cực cũng như tiêu cực của hiếu thảo trong cuộc sống hiện đại và đưa ra mô hình hiếu thảo kép (Dual Filial Piety Model - DFPM; Yeh, 2003), trong đó chứa đựng hai thành tố tương ứng với hai thuộc tính hiếu thảo trọng tâm, đó là: Hiếu thảo tương hỗ (Reciprocal filial piety - RFP) thể hiện nhu cầu về sự kết nối xã hội, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các cá nhân và hiếu thảo độc đoán (Authoritarian filial piety - AFP) thể hiện nhu cầu về trật tự trên dưới và bản sắc tập thể. Các thành tố này đã được chứng minh là có những mối liên hệ khác nhau đối với sự thích nghi xã hội và hoạt động tâm lý của cá nhân (Chen, 2014; Chen, Wu và Yeh, 2016; Yeh và Bedford, 2004). Ví dụ, người ta thấy rằng hiếu thảo tương hỗ có mối tương quan tích cực với sự hài lòng trong cuộc sống và năng lực xã hội, trong khi hiếu thảo độc đoán có mối liên hệ tiêu cực với lòng tự trọng và năng lực xã hội của những người con (Leung, Wong, Wong và McBride-Chang, 2010).

Tiếp nối và mở rộng mô hình hiếu thảo kép, nhiều tác giả đã xây dựng và phát triển những mô hình hiếu thảo khác nhau, nhưng lý thuyết về mô hình hiếu thảo kép vẫn là một trong những lý thuyết quan trọng nhất và thang đo Hiếu thảo kép (Dual Filial Piety Scale - DFPS) vẫn là thang đo được sử dụng rộng rãi nhất, có thể cung cấp nền tảng lý thuyết cho nghiên cứu hiếu thảo ở nhiều nền văn hóa khác nhau (Shi và Wang, 2019).

Mặc dù hiếu thảo có vai trò quan trọng đối với gia đình và xã hội, xứng đáng nhận được sự quan tâm nghiên cứu của các nhà tâm lý học, xã hội học, nhưng cho đến nay ở Việt Nam vẫn chưa có một công cụ phù hợp để đo lường hiếu thảo. Chính vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này, sử dụng mô hình hiếu thảo kép của Yeh (2003) và bước đầu thích ứng thang đo Hiếu thảo kép của Yeh và Bedford (2003). Theo chúng tôi, mô hình hiếu thảo kép với sự phân biệt hai chiều cạnh của hiếu thảo có thể giúp giải thích tốt hơn các khía cạnh tích cực của hiếu thảo và những hạn chế của nó trong xã hội hiện nay.

### ***Thang đo Hiếu thảo kép (DFPS)***

Các thang đo đầu tiên về hiếu thảo được xây dựng dựa trên các chuẩn mực lấy từ các tài liệu Nho giáo cổ điển. Tác giả Yang (1988) đã đưa ra 15 loại thái độ và hành vi liên quan đến hiếu thảo, như lòng nhân hậu đối với cha mẹ, sự vâng lời cha mẹ hoặc sự bảo vệ cha mẹ. Dựa trên những thái độ và hành vi này, một thang đo với 52 mệnh đề đã được phát triển, bao gồm bốn thành tố chính: tôn trọng và yêu thương cha mẹ; hỗ trợ và tưởng nhớ cha mẹ; kìm nén bản thân và tôn vinh cha mẹ (Yang, Yeh và Huang, 1989). Năm 1997, Yeh đã trích xuất từ thang đo này hai thành tố cơ bản thông qua phân tích yếu tố xác nhận. Hai thành tố này là cơ sở nền tảng để tác giả xây dựng khái niệm hiếu thảo, đó là: sự yêu thương hỗ trợ giúp đỡ nhau và chủ nghĩa chuyên quyền (Yeh, 1997). Hai thành tố này sau đó được Yeh khám phá trong các phân tích sâu hơn, làm cơ sở xây dựng thang đo Hiếu thảo kép (Yeh, 2003). Chúng ta cùng xem xét sự khác nhau giữa hai thành tố của thang đo.

Hiếu thảo tương hỗ (RFP) đáp ứng nhu cầu tâm lý về sự kết nối xã hội và tình cảm cha mẹ - con, dựa trên mối quan hệ bình đẳng. Các hoạt động của RFP bao gồm tôn trọng, chăm sóc và phụng dưỡng cha mẹ. Vì RFP được thúc đẩy bởi lòng biết ơn và mong muốn đền đáp những nỗ lực nuôi dạy và chăm sóc con của các bậc cha mẹ, nên tác động của nó thường là tích cực. Hiếu thảo tương hỗ dẫn đến các mối quan hệ liên cá nhân tốt hơn, ít xung đột giữa cha mẹ và con hơn (Yeh và Bedford, 2004), sự hài lòng với cuộc sống cao hơn (Chen, 2014).

Hiếu thảo độc đoán (AFP) đáp ứng nhu cầu bản sắc tập thể trong mối quan hệ thứ bậc rõ ràng. Những người thực hành hiếu thảo độc đoán thường dựa trên nghĩa vụ, sự phục tùng và sự tuân thủ quyền tuyệt đối của cha mẹ. Những cá nhân đánh giá cao hiếu thảo độc đoán tìm cách tuân theo các chuẩn mực văn hóa và gánh vác trách nhiệm gia đình để đáp ứng các yêu cầu và kỳ vọng của cha mẹ

(Yeh và cộng sự, 2013). Các tác động của AFP lên tâm lý cá nhân thường tiêu cực hơn (Yeh, 2006); tuy nhiên, sự hợp tác và sẵn sàng hy sinh vì gia đình có thể giúp duy trì sự hòa thuận trong gia đình và do đó mang lại lợi ích cho toàn thể gia đình (Yeh và Bedford, 2004).

Điều quan trọng là các yếu tố RFP và AFP không loại trừ lẫn nhau mà cùng tồn tại trong một cá nhân và có thể cùng thúc đẩy hành vi hiếu thảo (Bedford và Yeh, 2019). Ngoài ra, hai thành tố có thể đáp ứng các nhu cầu khác nhau, RFP đáp ứng nhu cầu tâm lý và AFP đáp ứng nhu cầu văn hóa. Mô hình hiếu thảo kép mô tả hai lược đồ tâm lý cơ bản có thể có ở mọi người trong tất cả các nền văn hóa (Yeh, Bedford và Yang, 2009).

Trong nghiên cứu trước, chúng tôi đã sử dụng thang đo Hiếu thảo kép (Yeh và Bedford, 2003) trên mẫu sinh viên (Truong, T. K. H. và cộng sự, 2020). Với nghiên cứu này, chúng tôi hướng tới việc thích ứng thang đo trên mẫu người trưởng thành. Sự khác biệt giữa nghiên cứu hiện tại và nghiên cứu trước có thể được rút ra từ sự khác biệt giữa các mẫu nghiên cứu. Nếu phần lớn sinh viên thường vẫn nhận sự hỗ trợ tài chính từ cha mẹ, thì những người trưởng thành thường đã đi làm, có thu nhập và có khả năng giúp đỡ cha mẹ. Vì vậy, nghiên cứu ở những người con trưởng thành có thể đưa ra bức tranh sát thực và rõ nét hơn về lòng hiếu thảo.

## **2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Khách thể và quy trình nghiên cứu**

Dữ liệu được thu thập từ 550 người trưởng thành Việt Nam (350 nữ, chiếm 63,6%) trong độ tuổi từ 29 - 59 ( $M = 42,03$ ;  $SD = 5,04$ ). Bảng câu hỏi được bắt đầu bằng việc hướng dẫn cách trả lời bảng hỏi và một số thông tin nhân khẩu học. Bảng khảo sát được in trên giấy và người trả lời dùng bút để đánh dấu vào phương án mà họ lựa chọn. Những người tham gia khảo sát đã được thông tin về mục tiêu và nội dung nghiên cứu. Các bảng hỏi hoàn toàn khuyết danh, không ghi tên người trả lời, các thông tin thu được chỉ nhằm mục đích nghiên cứu khoa học.

### **2.2. Thang đo**

Thang đo Hiếu thảo kép (DFPS) bao gồm 16 mệnh đề do Yeh và Bedford (2003) xây dựng. Tám mệnh đề đo lường hiếu thảo tương hỗ và tám mệnh đề khác đo lường hiếu thảo độc đoán.

Đầu tiên, chúng tôi đã xin phép tác giả thang đo được sử dụng và thích ứng thang đo. Tiếp theo phiên bản tiếng Anh của thang đo đã được chúng tôi dịch sang tiếng Việt. Mọi nỗ lực đã được thực hiện để đảm bảo sự tương đương về mặt ngữ nghĩa, thành ngữ và khái niệm, để giữ nguyên ý nghĩa của các mệnh đề. Một chuyên gia độc lập, cũng là người bản ngữ tiếng Việt, đã dịch ngược từ tiếng Việt sang tiếng Anh. Hai phiên bản của thang đo đã được các chuyên gia

tiếng Anh so sánh để xem xét những điểm khác biệt. Các biên dịch viên sau đó đã thảo luận với nhau để xử lý những khác biệt và thống nhất về cách diễn đạt cuối cùng (xem Truong, T. K. H. và cộng sự, 2020).

### 3. Kết quả nghiên cứu

#### 3.1. Cấu trúc của thang đo

Phân tích nhân tố khám phá (EFA) được sử dụng để xác định các thành tố có ý nghĩa làm cơ sở cho phiên bản tiếng Việt của DFPS. Chúng tôi sử dụng phép phân tích nhân tố (Factor Analysis) với phép xoay Varimax (Varimax with Kaiser Normalization) để tìm hiểu số nhân tố tối ưu. Kết quả cho thấy các mệnh đề của thang DFPS được sắp xếp thành 2 nhân tố rõ ràng, các nhân tố có giá trị riêng (eigenvalue) lớn hơn 1. Giải pháp hai nhân tố giải thích được 60% tổng phương sai (total variance). Hệ số tải nhân tố biên thiên từ 0,63 đến 0,83, đều lớn hơn 0,30. Hệ số KMO = 0,901 với mức ý nghĩa  $p < 0,001$ . Sự sắp xếp các mệnh đề vào các nhân tố hoàn toàn phù hợp với cấu trúc được Yeh và Bedford (2003) báo cáo. Yếu tố 1 (32,1% phương sai) biểu thị hiệu thảo tương hỗ và yếu tố 2 (27,9% phương sai) biểu thị hiệu thảo độc đoán. Bảng 1 trình bày thống kê mô tả cho từng mệnh đề và hệ số tải nhân tố chuẩn hóa EFA.

**Bảng 1:** Thống kê mô tả và hệ số tải nhân tố chuẩn hóa EFA cho các mệnh đề của DFPS

Các mệnh đề		M	SD	Nhân tố 1 (RFP)	Nhân tố 2 (AFP)
3	Thường xuyên quan tâm đến sự bình an nói chung của cha mẹ tôi	6,27	1,05	0,83	0,09
4	Quan tâm đến cha mẹ và hiểu cha mẹ tôi	6,22	0,96	0,82	0,18
1	Thường xuyên quan tâm đến tình trạng sức khỏe của cha mẹ tôi	6,29	1,10	0,79	0,08
6	Biết ơn cha mẹ vì đã nuôi dưỡng tôi	6,50	0,94	0,78	0,09
8	Chủ động trợ giúp cha mẹ tôi khi họ bận	6,31	1,02	0,77	0,13
5	Đỡ đần cha mẹ tôi để làm cho cuộc sống của họ thoải mái hơn	6,10	1,12	0,77	0,17
2	Thường xuyên nói chuyện với cha mẹ tôi để hiểu được suy nghĩ và cảm xúc của họ	6,04	1,04	0,75	0,19
7	Nhanh chóng trở về nhà khi biết tin cha mẹ tôi mất, bất kể tôi ở xa bao nhiêu	6,58	0,93	0,74	0,03
13	Làm bất cứ điều gì cha mẹ tôi yêu cầu ngay lập tức	4,73	1,67	0,14	0,80
12	Đáp ứng mong đợi của cha mẹ tôi kể cả khi phải từ bỏ ước mơ của bản thân	4,63	1,71	0,13	0,79

14	Tránh kết hôn với người mà cha mẹ tôi không thích	4,50	1,79	0,05	0,76
15	Có ít nhất một con trai để kế thừa dòng dõi gia đình	3,82	2,13	-0,06	0,76
11	Vâng lời cha mẹ tôi kể cả khi phải thất hứa với bạn bè	5,14	1,61	0,23	0,73
16	Sống với cha mẹ tôi (hoặc cha mẹ của vợ/chồng) sau khi kết hôn	4,46	2,01	0,08	0,70
10	Đề bố mẹ tôi quản lý thu nhập của tôi khi tôi chưa kết hôn	4,73	1,83	0,13	0,68
9	Nghe theo/làm theo những đề nghị của cha mẹ tôi ngay cả khi tôi không đồng ý với chúng	5,15	1,49	0,26	0,63

*Chú thích: Extraction Method: Principal Component Analysis; Rotation Method: Varimax with Kaiser Normalization; Rotation converged in 3 iterations. RFP: Reciprocal filial piety - Hiếu thảo tương hỗ; AFP: Authoritarian filial piety - Hiếu thảo độc đoán.*

### 3.2. Độ tin cậy

Trong bước tiếp theo, chúng tôi tính hệ số Alpha của Cronbach để kiểm tra độ tin cậy của hai tiểu thang đo. Kết quả cho thấy độ tin cậy nội bộ cao: 0,91 đối với hiếu thảo tương hỗ và 0,88 đối với hiếu thảo độc đoán.

**Bảng 2:** Tương quan, độ tin cậy, mô tả so sánh RFP và AFP

	Toàn mẫu (N = 549)			So sánh theo giới tính		
	Alpha của Cronbach	M (SD)	Tương quan giữa RFP&AFP	Nam (n = 200) M (SD)	Nữ (n = 349) M (SD)	Giá trị p
RFP	0,91	6,28 (0,81)	R = 0,314; p < 0,01	6,24 (0,87)	6,31 (0,77)	p > 0,05
AFP	0,88	4,65 (1,33)		4,89 (1,30)	4,51 (1,32)	p < 0,01

*Chú thích: RFP: Hiếu thảo tương hỗ; AFP: Hiếu thảo độc đoán.*

Mối tương quan giữa RFP và AFP là tích cực và có ý nghĩa thống kê ( $r = 0,314$ ;  $p < 0,01$ ). Những người trả lời đều có điểm cao hơn một cách có ý nghĩa về hiếu thảo tương hỗ ( $M = 6,28$ ;  $SD = 0,81$ ) so với hiếu thảo độc đoán ( $M = 4,65$ ;  $SD = 1,33$ ). Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu trên mẫu sinh viên. Tuy nhiên, so với mẫu sinh viên, những người trưởng thành có điểm hiếu thảo độc đoán cao hơn:  $M = 4,65$  (người trưởng thành) so với  $M = 3,97$  (sinh viên - xem Truong, T. K. H. và cộng sự, 2020). Trong nghiên cứu trên mẫu sinh viên, chúng

tôi không tìm thấy sự khác biệt về giới tính trong quan điểm về hiếu thảo (xem Truong, T. K. H. và cộng sự, 2020). Trong nghiên cứu này, nam và nữ có điểm trung bình tương tự nhau đối với hiếu thảo tương hỗ:  $t(548) = 0,90$ ;  $p = 0,36$ . Tuy nhiên, đối với hiếu thảo độc đoán, nam có điểm trung bình cao hơn một cách có ý nghĩa so với nữ:  $t(547) = 3,20$ ;  $p = 0,001$ .

#### 4. Thảo luận

Dù xuất phát từ văn hóa bản địa Nho giáo, ngày nay thang đo DFPS gồm 16 mệnh đề là thang đo được sử dụng rộng rãi để đo lường hiếu thảo trong các nền văn hóa khác nhau (ví dụ: Rózycka-Tran J., Jurek P., Truong T.K.H. và Olech M., 2021). Mặc dù hiếu thảo có vai trò rất quan trọng trong xã hội Việt Nam, nhưng chưa có công bố nào giới thiệu một công cụ chính thức để đo lường hiếu thảo. Vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi trình bày kết quả xác thực phiên bản tiếng Việt của thang đo Hiếu thảo kép do Yeh và Bedford (2003) phát triển.

Phân tích nhân tố khám phá (EFA) đã được sử dụng để xác định các yếu tố có ý nghĩa làm cơ sở cho phiên bản tiếng Việt của DFPS, trong đó có hai yếu tố giống với những yếu tố được Yeh và Bedford (2003) báo cáo và độ tin cậy về tính nhất quán nội bộ cao đối với cả hai tiểu thang đo về Hiếu thảo tương hỗ và Hiếu thảo độc đoán.

Việc tồn tại mối tương quan thuận giữa RFP và AFP cho thấy thái độ hiếu thảo chứa đựng đồng thời cả hai chiều cạnh.

Hiếu thảo tương hỗ thể hiện sự hỗ trợ tự nguyện của người con trưởng thành như là biểu hiện của tình yêu thương và sự chăm sóc dành cho cha mẹ. Hiếu thảo tương hỗ phát triển từ tình cảm chân thành, từ sự tương tác tích cực lâu dài với cha mẹ trong cuộc sống. Nó bắt nguồn từ sự gắn bó và chất lượng của mối quan hệ cha mẹ - con. Những người con chăm lo cho cha mẹ về vật chất và tinh thần khi họ già đi xuất phát từ lòng biết ơn chân thành đối với những nỗ lực và hy sinh của họ.

Hiếu thảo độc đoán thể hiện sự tuân thủ các nghĩa vụ hiếu thảo đã được Nho giáo coi là trách nhiệm bắt buộc của những người con đối với cha mẹ. Hiếu thảo độc đoán hình thành dựa trên nghĩa vụ, vai trò của mỗi thành viên trong hệ thống gia đình phân cấp thứ bậc có trên có dưới. Nó được phát triển thông qua các phản ứng chuẩn mực của người con để đáp ứng các yêu cầu hoặc kỳ vọng của cha mẹ trong thời gian dài chung sống. Hiếu thảo độc đoán coi việc gìn giữ nền nếp gia đình và thể diện của gia đình là điều quan trọng nhất, bao gồm cả việc hy sinh mong muốn của bản thân để đáp ứng mong đợi của cha mẹ.

Sự tương hỗ và độc đoán hình thành nên hai khía cạnh đan xen của lòng hiếu thảo. Hai chiều cạnh của hiếu thảo không loại trừ lẫn nhau mà cùng tồn tại trong mỗi cá nhân. Các chiều cạnh này có thể đồng thời hoạt động ở các mức độ khác nhau tùy thuộc vào hoàn cảnh (Yeh và Bedford, 2024). Cả hai đều thúc đẩy

sự hỗ trợ giữa các thế hệ, hiếu thảo tương hỗ thông qua tình cảm và lòng biết ơn, hiếu thảo độc đoán thông qua việc điều chỉnh hành vi để đáp ứng được các kỳ vọng xã hội đối với vai trò làm con của người trưởng thành.

Điểm hiếu thảo tương hỗ của những người trả lời cao hơn một cách có ý nghĩa so với hiếu thảo độc đoán cho thấy mọi người đồng tình với hiếu thảo tương hỗ hơn. Bên cạnh đó, điểm hiếu thảo độc đoán ở những người trưởng thành từ 29 - 59 tuổi ( $M = 4,65$ ), cao hơn hẳn so với sinh viên ( $M = 3,97$ ) cho thấy những người con trưởng thành thể hiện sự đồng tình với trách nhiệm và nghĩa vụ làm con trong hiếu thảo độc đoán cao hơn những sinh viên trẻ tuổi.

Khác với nghiên cứu trên sinh viên, trong nghiên cứu này, nam có điểm trung bình đối với hiếu thảo độc đoán cao hơn một cách có ý nghĩa so với nữ. Khác biệt này có thể phản ánh cảm nhận nghĩa vụ và trách nhiệm của người đàn ông trưởng thành đối với cha mẹ và dòng họ cao hơn.

## 5. Kết luận

Thang đo Hiếu thảo kép với quan niệm thái độ hiếu thảo có thể được giải thích qua hai chiều cạnh, hiếu thảo tương hỗ và hiếu thảo độc đoán sẽ là một công cụ hữu ích cho các nhà nghiên cứu trong việc khám phá thái độ và hành vi hiếu thảo, trước đây thường được hiểu là cấu trúc một chiều tích cực.

### Chú thích:

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài: *Sức khỏe tâm thần của người cao tuổi: Vai trò của ý nghĩa cuộc sống và lòng hiếu thảo*; mã số 501.01 2024.07; PGS.TS. Trịnh Thị Linh làm chủ nhiệm.

### Tài liệu tham khảo

1. Bedford, O., & Yeh, K. H. (2019). The history and the future of the psychology of filial piety: Chinese norms to contextualized personality construct. *Frontiers in Psychology, 10*, 100. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2019.00100>.
2. Chen, W. W. (2014). The relationship between parenting style, filial piety, and life satisfaction in Hong Kong. *Journal of Family Psychology, 28*, 308-314. <https://doi.org/10.1037/a0036819>.
3. Chen, W. W., Wu, C. W., & Yeh, K. H. (2016). How parenting and filial piety influence happiness, parent-child relationships and quality of family life in Taiwanese adult children. *Journal of Family Studies, 22*, 80-96. <https://doi.org/10.1080/13229400.2015.1027154>.
4. Hwang, K. K. (1999). Filial piety and loyalty: Two types of social identification in Confucianism. *Asian Journal of Social Psychology, 2*, 163-183. <https://doi.org/10.1111/1467-839X.00031>.

5. Leung, A. N. M., Wong, S. S. F., Wong, I. W. Y., & McBride-Chang, C. (2010). Filial piety and psychosocial adjustment in Hong Kong Chinese early adolescents. *Journal of Early Adolescence*, *30*, 651-667. <https://doi.org/10.1177/0272431609341046>.
6. Low, K. C. P., & Ang, S. L. (2012). Confucian leadership and corporate social responsibility (CSR), the way forward. *Asian Journal of Business Research*, *2*, 85-108.
7. Rózycka-Tran J., Jurek P., Truong T.K.H. and Olech M. (2021) The implications of filial piety in study engagement and study satisfaction: A Polish-Vietnamese comparison. *Frontiers in Psychology*, *11*, 525034. DOI: 10.3389/fpsyg.2020.525034.
8. Shi, J., & Wang, F. (2019). Three-dimensional Filial Piety Scale: Development and validation of filial piety among Chinese working adults. *Frontiers in Psychology*, *10*, article 2040. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2019.02040>.
9. Truong, T. K. H., Rózycka-Tran, J., Jurek, P., Tran, H. T., & Le, V. H. (2020). Vietnamese version of the Dual Filial Piety Scale: Preliminary validation in a student sample. *Health Psychology Report*, *8*(3), 263-272. <https://doi.org/10.5114/hpr.2020.95409>.
10. Yang, K. S. (1988). Chinese filial piety: A conceptual analysis. In K. S. Yang (Ed.), *The Chinese mind* (pp. 39-73). Taipei: Laureate Book Company.
11. Yang, K. S., Yeh, K. H., & Huang, L. (1989). A social attitudinal analysis of Chinese filial piety: Concepts and assessment. *Bulletin of the Institute of Ethnology*, *65*, 171-227.
12. Yeh, K. H. (1997). Changes in the Taiwanese people's concept of filial piety. In L. Y. Cheng, Y. H. Lu, & F. C. Wang (Eds.), *Taiwanese society in the 1990s* (pp. 171-214). Taipei: Institute of Sociology/Academia Sinica.
13. Yeh, K. H. (2003). The beneficial and harmful effects of filial piety: An integrative analysis. In K. S. Yang, K. K. Hwang, P. B. Pedersen, & I. Daibo (Eds.), *Contributions in psychology, no. 42. Progress in Asian social psychology: Conceptual and empirical contributions* (pp. 67-82). Westport, CT: Praeger Publishers/Greenwood Publishing Group.
14. Yeh, K. H. (2006). The impact of filial piety on the problem behaviours of culturally Chinese adolescents. *Journal of Psychology in Chinese Societies*, *7*, 237-257.
15. Yeh, K. H., & Bedford, O. (2003). Filial piety: a test of the Dual Filial Piety model. *Asian Journal of Social Psychology*, *6*, 215-228. <https://doi.org/10.1046/j.1467-839X.2003.00122.x>.
16. Yeh, K. H., & Bedford, O. (2004). Filial belief and parent-child conflict. *International Journal of Psychology*, *39*, 132-144. <https://doi.org/10.1080/00207590344000312>.
17. Yeh, K. H., Bedford, O., & Yang, Y. J. (2009). A cross-cultural comparison of coexistence and domain superiority of individuating and relating autonomy. *International Journal of Psychology*, *44*, 213-221. <https://doi.org/10.1080/00207590701749146>.
18. Yeh, K. H., Yi, C. C., Tsao, W. C., & Wan, P. S. (2013). Filial piety in contemporary Chinese societies: a comparative study of Taiwan, Hong Kong, and China. *International Sociology*, *28*, 277-296. <https://doi.org/10.1177/0268580913484345>.